



CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP HIỆP PHƯỚC

Khu B, đường số 1, Khu công nghiệp Hiệp Phước, Xã Hiệp Phước, Huyện Nhà Bè, TP. HCM, Việt Nam
Điện thoại: (84 8) 37800345; 37800350; 37800351 - Fax: (84 8) 37800341
E-mail: hiepphuocco@hiepphuoc.vn Website: www.hiepphuoc.vn

Số 12/NQ/HĐQT/HIPC/14

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 09 năm 2014

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP HIỆP PHƯỚC

- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Khu Công Nghiệp Hiệp Phước (sửa đổi lần II) đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2014 thông qua ngày 29/4/2014;
- Căn cứ Biên bản phiên họp HĐQT lần thứ 6 năm 2014.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Đồng ý điều chỉnh dự án đầu tư KCN Hiệp Phước - Giai đoạn 2 như sau:

1. Chi phí đầu tư

Đvt: triệu đồng

STT	DANH MỤC	Giá trị HĐQT đã phê duyệt (sau thuế)	Giá trị đề nghị xin điều chỉnh (sau thuế)
1	Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng	1.370.963	1.032.695
2	Chi phí xây dựng cơ bản	3.212.978	2.605.633
2.1	Các hạng mục chính	1.005.737	1.037.890
	+ Cầu	579.958	701.755
	+ Đường Bắc - Nam	190.708	252.522
	Đường, vỉa hè, hệ thống thoát nước mưa	190.708	196.654
	Hệ thống thu gom và xử lý nước thải	-	37.652
	Hệ thống cấp nước	-	7.414
	Hệ thống chiếu sáng	-	10.802
	+Module 1 NMXLNT KCN HP GD 2: 3.000M3/ng.đ (Đặt tại KCN HP GD 1)	160.965	58.911
	+ Module 1-Trạm cấp nước công suất 3.000 m3/ng.đ	74.106	24.702
2.2	Các hạng mục còn lại	2.207.241	1.567.743
	+ Đường - Vỉa hè - Hệ thống thoát nước mưa	512.792	492.266
	+ Hệ thống thu gom và xử lý nước thải	84.427	132.973
	+ Hệ thống cấp nước	21.906	63.373
	+ Hệ thống chiếu sáng	47.154	35.806
	+ San nền	1.127.438	730.846



	+ Cây xanh	155.693	63.737
	+ Trạm PCCC	7.000	7.000
	+ Gia cố bờ kè	31.312	31.312
	+ Rà phá bom mìn	17.609	10.430
	+ Hệ thống bến bãi, bãi rác, nhà hành chính- dịch vụ, Nhà lưu trú công nhân	201.910	
3	Chi phí nhận chuyển nhượng dự án	160.512	703.642
4	Chi phí lãi vay trong thời gian thi công	414.744	571.552
5	Chi phí dự phòng		78.169
	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ	5.159.197	4.991.690

2. Nguồn vốn đầu tư:

Đvt: triệu đồng

Stt	Danh mục	Vốn đầu tư					TỔNG CỘNG
		Phân kỳ 1 2012-2014	Phân kỳ 2 2015-2017	Phân kỳ 3 2018-2020	Phân kỳ 4 2021-2013	Phân kỳ 5 2024-2035	
1	Vốn chủ sở hữu	714,503	527,876	554,562	132,403	513,634	2,442,979
	Vốn tự có (Giai đoạn 1)	377,091					377,091
	Lợi nhuận giữ lại		212,095	386,283	132,403	513,634	1,244,416
	Tăng vốn từ góp bổ sung vốn	240,000	-				240,000
	Thu từ cho thuê đất giai đoạn 1	97,412	315,781	168,279		-	581,472
							303,891
2	Vốn ngân sách	106,429	197,463	-	-	-	1,200,469
3	Trả nợ vay	-	521,895	428,568	250,006	-	-1,200,469
4	Vốn vay	410,993	789,476	-	-	-	200,469
	Vay IPC	200,469	-	-	-	-	1,000,000
	Vay Vietinbank	210,524	789,476	-	-	-	
5	Vốn ứng trước khách hàng	157,937	43,602	42,005	281,503	519,303	1,044,351
	TỔNG CỘNG	1,389,862	1,558,417	596,567	413,906	1,032,937	4,991,690

3. Hiệu quả dự án sau điều chỉnh:

- NPV : 421.857 triệu đồng.
- IRR : 16,4%.
- Thời gian hoàn vốn không chiết khấu : 8 năm 11 tháng.

Điều 2: Điều chỉnh vốn vay tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn để thực hiện dự án Khu công nghiệp Hiệp Phước – Giai đoạn 2 như sau:

1. Số tiền vay vốn hiện tại

- Số tiền vay đã ký ngày 04/06/2013: 515 tỷ đồng.
 - o Thời hạn vay : 5 năm 2 tháng, kể từ 04/06/2013 → 04/08/2018.
 - o Thời gian giải ngân : 2 năm 2 tháng, kể từ 04/06/2013 → 04/08/2015.
 - o Thời gian ân hạn gốc : 2 năm 2 tháng, kể từ 04/06/2013 → 04/08/2015.
 - o Thời gian trả nợ : 3 năm kể từ ngày kết thúc thời gian ân hạn.

2. Số tiền vay vốn xin điều chỉnh

- Số tiền vay đề nghị tăng thêm : 485 tỷ đồng.
- Số tiền vay sau điều chỉnh : 1.000 tỷ đồng.

- Thời hạn vay : 9 năm, từ tháng 06/2013 → tháng 06/2022.
- Thời gian giải ngân : 4 năm 6 tháng, từ tháng 6/2013 → tháng 12/2017.
- Thời gian ân hạn gốc : 26 tháng, từ tháng 6/2013 → tháng 08/2015.
- Thời gian trả nợ : 6 năm 10 tháng kể từ sau ngày ân hạn.

Điều 3:

Ủy quyền Tổng giám đốc, đại diện theo pháp luật của công ty - lập hồ sơ giao dịch và ký kết các chứng từ, hợp đồng liên quan đến việc vay vốn tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn, gồm: (i) Giấy đề nghị vay vốn, (ii) hợp đồng tín dụng, (iii) giấy nhận nợ, (iv) lệnh chi chuyển tiền, (v) giấy lĩnh tiền, (vi) hợp đồng đảm bảo tiền vay, (vii) các giấy tờ liên quan đến việc công chứng và đăng ký giao dịch đảm bảo và (viii) các chứng từ liên quan đến việc vay vốn khác.

Tổng giám đốc và các phòng chức năng liên quan đàm phán với Vietinbank để trong trường hợp trả nợ trước hạn, ngân hàng không tính lãi phạt đối với Hiệp Phước.

Tổng giám đốc và các phòng chức năng liên quan chịu trách nhiệm sử dụng vốn vay đúng mục đích theo quy định của luật pháp và Điều lệ của Công ty Cổ phần KCN Hiệp Phước.

Điều 4:

Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Nơi nhận

- HĐQT, BKS (để biết);
- Phòng TC, KT (để thực hiện)
- Vietinbank CN Sài Gòn;
- HC-NS; Tky HĐQT (lưu).



PHẠM THỊ VIỆT